ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 254 /BC-UBND	*Thị xã Quảng Trị, ngày 02 tháng 12 năm 2020*

BÁO CÁO
Đánh giá kết quả thực hiện Đề án xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt thị xã Quảng Trị giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân thị xã về việc thông qua Đề án xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt thị xã Quảng Trị giai đoạn 2016-2020, trong những năm qua các phường trên địa bàn thị xã đã tổ chức triển khai thi công nhiều tuyến điện chiếu sáng hẻm kiệt theo các tiêu chí của Đề án. Sau 4 năm thực hiện Đề án xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt giai đoạn 2016-2020, kết quả đạt được như sau:

I. Đánh giá chung:

Đề án đã tạo được sự đồng thuận trong nhân dân. Hầu hết nhân dân trên các tuyến đều thống nhất và tham gia đóng góp kinh phí để thực hiện đề án.

Việc triển khai thực hiện chiếu sáng các tuyến hẻm kiệt ngoài mục đích chiếu sáng phục vụ giao thông đi lại còn đảm bảo công tác an ninh trật tự và mỹ quan đô thị. Góp phần đảm bảo tỷ lệ chiếu sáng ngõ xóm, hẻm kiệt theo tiêu chí đô thị loại III.

II. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 5/10/2016 của Hội đồng nhân dân thị xã.

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết, Đề án.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các đoàn thể, đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, phổ biến Nghị Quyết đến tận nhân dân ở các hẻm, kiệt, Tổ an ninh để người dân nắm rỏ được chủ trương, nội dung của Đề án và tham gia thực hiện.

- Chỉ đạo UBND các phường triển khai kế hoạch thực hiện đề án đến tận nhân dân, nâng cao vai trò chủ động của của các Tổ an ninh, Ban cán sự khu phố, tổ chức họp dân, thống nhất phương án triển khai, đăng ký thực hiện chiếu sáng tuyến hẻm kiệt.

- Trên cơ sở đăng ký của các khu phố, giao Phòng QLĐT hướng dẫn các phường lập khái toán kinh phí gửi Phòng TC-KH tổng hợp, trình UBND thị xã Quyết định chủ trương đầu tư và bố trí kinh phí thực hiện.

2. Công tác quản lý nhà nước.

- Đã ban hành Công văn số 834/UBND-VP ngày 03/8/2017 chỉ đạo UBND các phường, xã phối hợp với Phòng QLĐT rà soát, lập danh mục các hẻm, kiệt theo thứ tự ưu tiên để thực hiện xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt trong năm 2017.

- UBND thị xã ban hành Quyết định bải bỏ Quyết định số 327/2014/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 đã không còn phù hợp với tình hình thực tiễn của địa

phương và ban hành Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 3/6/2020 Quy định về quản lý và vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị và đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thị xã Quảng Trị.

- Chỉ đạo UBND các phường thực hiện đúng các quy trình, thủ tục đầu tư xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng trên địa bàn tổ chức quản lý, vận hành theo đúng quy định. Xử lý kịp thời các hư hỏng, sự cố, đảm bảo chiếu sáng phục vụ nhân dân.

- Chỉ đạo các cơ quan đơn vị liên quan như: Phòng TC-KH, Phòng QLĐT phối hợp chặt chẽ với UBND các phường trong công tác vận động nhân dân trên các tuyến đăng ký tham gia thực hiện, tổ chức thẩm định, bố trí kinh phí một cách chặt chẽ và kịp thời.

III. Kết quả thực hiện đề án Điện chiếu sáng hẻm kiệt.

1. Công tác tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt hồ sơ.

Từ năm 2016 đến nay đã tiếp nhận hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng cho 59 tuyến điện chiếu sáng hẻm, kiệt trên địa bàn các phường 1, 2, 3 và phường An Đôn. Hồ sơ đảm bảo yêu cầu phục vụ thẩm định, phê duyệt.

Tổng kinh phí phê duyệt là: 2.593.200.000 đồng. Trong đó phần kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ: 2.150.389.000 đồng, vốn nhân dân đóng góp: 442.811.000 đồng.

Tổng số chiều dài các tuyến phê duyệt là 8.280m, với 212 bóng đèn 70W, vượt 12 tuyến với tổng chiều dài 1.578m so với đề án được duyệt.

2. Công tác triển khai thi công.

UBND các phường đều đã tổ chức triển khai thi công theo đúng các tuyến đã phê duyệt. Tuy nhiên, một số tuyến không triển khai thi công và một số tuyến thực hiện điều chỉnh, cụ thể như sau:

- Phường 1: Các tuyến đã phê duyệt năm 2018 nhưng không triển khai thi công: Kiệt 18 – Nguyễn Hoàng, Ngách 3/7- Nguyễn Hoàng, Ngách 3/18 Phan Thành Chung. Năm 2020, phê duyệt 4 tuyến nhưng mới tổ chức triển khai thi công được 01 tuyến, 3 tuyến chưa thi công là Kiệt 33- Nguyễn Hoàng, Kiệt 43- Hai Bà Trưng, Kiệt 20-Trần Phú.

- Phường 2: Kiệt 399 Trần Hưng Đạo phê duyệt năm 2018 nhưng đến nay chưa triển khai thi công.

- Phường 3: Kiệt 89, 123 Nguyễn Trãi, Kiệt 54 Hai Bà Trưng đã được phê duyệt nhưng đến nay chưa triển khai.

Trong tổng số 59 tuyến được phê duyệt có 10 tuyến chưa tổ chức thi công với những lý do như sau:

- Một số tuyến đã tổ chức triển khai họp dân thống nhất triển khai và UBND các phường đã trình phê duyệt. Nhưng khi phê duyệt xong, kinh phí đóng góp mỗi hộ khá lớn, các hộ gia đình không thống nhất nộp kinh phí để triển khai thi công.

- Một số tuyến nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân chưa đủ nên chưa thể triển khai.

Kết quả:

Tổng số tuyến đã thực hiện: 49 tuyến với chiều dài 7.118m, lắp đặt 192 bóng đèn 70W, kinh phí thực hiện 2.190.226.000 đồng (Bảng tổng hợp thực hiện kèm theo). Trong đó, phần kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ : 1.829.204.000 đồng, vốn nhân dân đóng góp: 361.022.000 đồng.

(bảng tổng hợp số tuyến thực hiện chiếu sáng hẻm, kiệt)

TT	Tên đơn vị	Phê duyệt		Thực hiện	
		Số tuyến	Chiều dài(m)	Số tuyến	Chiều dài(m)
1	UBND phường 1	12	1.261	6	649
2	UBND phường 2	27	3.567	26	3.404
3	UBND phường 3	18	2.151	15	1.764
4	UBND phường An Đôn	2	1.301	2	1.301
	Cộng	59	8.280	49	7.118

3. Đánh giá về những kết quả đạt được.

Trong 4 năm qua đã thực hiện 7.118m chiếu sáng hẻm kiệt theo Đề án điện chiếu sáng hẻm, kiệt trên địa bàn, vượt 416 m, đạt tỷ lệ 106%. Tỷ lệ chiếu sáng của các hẻm kiệt trên địa bàn đạt: 9,318km/16,17km, đạt tỷ lệ 57,6% (2,2 km đã thực hiện chiếu sáng trước thời điểm đề án).

Nhìn chung mọi tiêu chí của đề án đều đạt và vượt chỉ tiêu. Đề án đã tạo được sự đồng thuận trong nhân dân. Hầu hết nhân dân trên các tuyến đều tham gia đóng góp kinh phí để thực hiện đề án. Một số tuyến khó khăn về kinh phí, UBND các phường đã tổ chức vận động các nhà tài trợ, hảo tâm hỗ trợ kinh phí để giảm bớt phần đóng góp cho nhân dân.

Việc triển khai thực hiện chiếu sáng các tuyến hẻm kiệt ngoài mục đích chiếu sáng phục vụ giao thông đi lại còn góp phần đảm bảo công tác an ninh trật tự trong khu vực. Tạo niềm tin, phấn khởi trong nhân dân, bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, khởi sắc, góp phần đảm bảo công tác an ninh trật tự và an toàn giao thông trên địa bàn.

Những năm đầu thực hiện Đề án do đời sống của nhân dân còn khó khăn, một số khu vực nhân dân chưa thống nhất đóng góp để xây dựng. Tuy nhiên sau một thời gian thực hiện, nhận thấy được hiệu quả của đề án mang lại nên nhân dân đã tích cực tham gia đóng góp xây dựng. Đặc biệt trên địa bàn phường An Đôn và phường 2 trong năm 2020 đã có 15 tuyến thực hiện chiếu sáng hẻm kiệt.

4. Một số vướng mắc và nguyên nhân:

- Do công tác khảo sát khi lập đề án chưa nắm kỹ các hộ dân trên các tuyến hẻm, kiệt nên một số tuyến nằm trong đề án nhưng do số hộ dân sinh sống

trên tuyến ít, khoảng cách lớn, kinh phí thực hiện tính bình quân từng hộ gia đình khá lớn nên các hộ gia đình chưa thống nhất thực hiện.

- Một số tuyến trong có tên trong đề án nhưng khi thực hiện ghép 2,3 tuyến lại với nhau và điểm đấu nối khác nhau nên có tên gọi khác trong đề án.

- Việc tổ chức triển khai họp dân, thống nhất phương án thực hiện còn kéo dài, dẫn đến chậm thực hiện các thủ tục theo qui định.

- Từ năm 2018 đến 2020 nguồn kinh phí được bố trí qua nguồn đầu tư xây dựng cơ bản nên UBND các phường có phần chậm trễ trong việc lập chủ trương đầu tư.

- Việc sử dụng đèn Cao áp natri (HPS) công suất 70W đã không còn phù hợp với xu thế trong các đô thị thường sử dụng chiếu sáng bằng đèn LED.

IV. Kiến nghị, đề xuất.

1. Tổng hợp nhu cầu thực hiện những năm tiếp theo.

Tổng số các tuyến hẻm đường hẻm kiệt trên địa bàn các phường có chiều dài lớn hơn 50m, cần phải có chiếu sáng chiếm khoảng 70% tổng số các tuyến hẻm kiệt với chiều dài gần 16,17 km (theo số liệu Đề án).

Để đảm bảo tiêu chí về tỷ lệ khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng theo tiêu chuẩn của Đô thị loại III, tỷ lệ đường hẻm, kiệt được chiếu sáng phải đạt tỷ lệ từ 55-80% tương đương khoảng 9,5-13km (thiếu khoảng 3,7km).

Hiện nay số tuyến chưa thực hiện chiếu sáng trên địa bàn còn khá lớn, nhu cầu thực hiện của nhân dân khá cao (Bảng tổng hợp số liệu theo đăng ký của UBND các phường- không tính các tuyến đã phê duyệt nhưng chưa thi công).

STT	Tên đơn vị	Số tuyến	Chiều dài	Số bóng
I	**Năm 2021**	**22**	**2.720**	**66**
1	Phường 1	4	360	9
2	Phường 2	10	960	27
3	Phường 3	4	640	9
4	Phường An Đôn	4	760	21
II	**Năm 2022-2023**	**30**	**5.377**	**146**
1	Phường 1	5	405	12
2	Phường 2	4	644	19
3	Phường 3	6	518	15
4	Phường An Đôn	15	3.810	100
	Tổng cộng	**52**	**8.097**	**212**

Tính đến hết 2023, nếu triển khai thi công tất cả các tuyến đã đăng ký thì tổng số tuyến chiếu sáng kẻm trên địa bàn là 101 tuyến, tổng chiều dài là 15.215km, đạt tỷ lệ 91,1% (15,215/16,7), đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng theo tiêu chuẩn của đô thị loại III.

- Dự trù Kinh phí thực hiện :

Trong những năm qua, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn có biến động không lớn (theo Công bố chỉ số giá xây dựng Quí I/2020 trên địa bàn thì chỉ số giá xây dựng về lĩnh vực chiếu sáng công cộng so với năm 2016 là 99,70, xem như không biến động về giá).

- Kinh phí dự trù theo đề án:

8,097km x 270.252.000 đ/1km = 2.188.230.000 đ

- Chênh lệch giá về chủng loại Đèn cao áp Natri (HPS) công suất 70 W sang đèn LED chiếu sáng đường phố 50w (2.500.000đ/ bộ) :

212 bộ x 2.500.000đ/ bộ = 530.000.000 đ

(trong đó nhân đóng góp : 530triệu x 30% = 159 triệu đồng)

Tổng kinh phí thực hiện: **2.718.230.000 đ**

Trong đó :

+ Phần kinh phí nhà nước hỗ trợ: 1.864.100.000 đ

+ Phần kinh phí nhân dân đóng góp:

8,079 x 56.239.000 đ/1km+ 159.000.000 đ = 614.367.000 đ

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở kết quả thực hiện Đề án Điện chiếu sáng hẽm kiệt giai đoạn 2016-2020, nhu cầu thực tế cần thiết để đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng theo tiêu chuẩn của đô thị loại III, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân cũng như phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. UBND thị xã Quảng Trị đề nghị Hội đồng nhân dân thị xã xem xét Quyết định chủ trương đầu tư Hệ thống điện chiếu sáng hẻm kiệt năm 2021 với một số nội dung như sau:

- Tổng chiều dài tuyến 2.720m, 66 bóng đèn chiếu sáng.
- Tổng mức đầu tư : 1.025 triệu đồng

Trong đó: - Nguồn vốn ngân sách thị xã: 834 triệu đồng

- Nguồn vốn nhân dân đóng góp: 191 triệu đồng

Trên đây là một số nội dung liên quan Đề án Xã hội hóa Điện chiếu sáng hẻm, kiệt thị xã Quảng Trị giai đoạn 2016-2020, UBND thị xã xin báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét./.

Nơi nhận:
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND;
- Các Ban KT-XH, Pháp chế;
- Chủ tịch, các PCT;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, LT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Sơn

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÃ HỘI HÓA ĐIỆN CHIẾU SÁNG

STT	Năm thực hiện	Chiều dài tuyến		Kinh phí được thẩm định			Kinh phí thực hiện			Ghi chú
		Thẩm định	Thi công	Tổng	Kinh phí nhà nước	Nhân dân đóng góp	Tổng	Kinh phí nhà nước	Nhân dân đóng góp	
I	**Năm 2016**	**645**	**645**	**208.484.000**	**174.188.000**	**34.296.000**	**208.484.000**	**174.188.000**	**34.296.000**	
1	**Phường 2**									
-	Kiệt 24- Nguyễn Thị Lý	100	100							Đã thẩm định điều chỉnh chung và thực hiện cả 2 phường
-	Kiệt 5- Hoàng Diệu	124	124							
2	**Phường 3**			208.484.000	174.188.000	34.296.000	208.484.000	174.188.000	34.296.000	
-	Kiệt 25 Trần Hưng Đạo	99	99							
-	Kiệt 41- Trần Phú	191	191							
-	Kiệt 57 Trần Phú	131	131							
II	**Năm 2017**	**1.712**	**1.353**	**523.051.000**	**437.342.000**	**85.709.000**	**391.690.000**	**352.734.000**	**38.956.000**	
1	**Phường 1**									
-	Kiệt 11-Nguyễn Hoàng	137	137	52.606.000	46.308.000	6.298.000	50.665.000	44.367.000	6.298.000	
2	**Phường 2**									
-	Kiệt 6 - Đào Duy Từ	158,3	158,3							
-	Kiệt 57-Lê Quý Đôn	171,5	171,5							Kiệt 399-THĐ không làm
-	Kiệt 220- Trần Hưng Đạo	40	40	208.768.000	175.751.000	33.017.000	155.556.000	155.556.000	0	
-	Kiệt 327- Trần Hưng Đạo	135	135							
-	Kiệt 399 - Trần Hưng Đạo	130	0							
3	**Phường 3**									
	Kiệt 89 - Nguyễn Trãi	95	0							
	Kiệt109- Hai Bà Trưng	194	194							Kiệt 89,123-Nguyễn trãi không làm, 05-Trần Phú giảm
	Kiệt 123 Nguyễn Trãi	106	0							
	Kiệt 7 - Lý Nam Đế	294	294	261.677.000	215.283.000	46.394.000	185.469.000	152.811.000	32.658.000	
	Kiệ 60- Hai Bà Trưng	80	80							
	Kiệt 5- Trần Phú	85	57							
	Kiệt 70 Quang Trung	86	86							

III	**Năm 2018**	**1.729**	**1.242**	**482.462.000**	**414.377.000**	**68.085.000**	**338.779.000**	**289.040.459**	**49.738.541**	
1	**Phường 1**									
	Kiệt 18-Nguyễn Hoàng	88		206.479.000	177.162.000	29.317.000	111.586.000	97.926.000	13.660.000	Ba kiệt không làm, 1 kiệt làm không hết, 1 kiệt điều chỉnh
	Kiệt 7-Nguyễn Hoàng	130	130							
	Ngách 3/7-Nguyễn Hoàng	86								
	Kiệt 18-Phan Thành Chung	78	35							
	Ngách 3/18-Phan T Chung	85								
	Kiệt 26- Phan Thành Chung	279	252							
2	**Phường 2**									
-	Kiệt 368- Trần Hưng Đạo	155	155	61.931.000	56.478.000	5.453.000	59.375.000	47.870.459	11.504.541	
-	Kiệt 372-Trần Hưng Đạo	108	108							
3	**Phường 3**									
-	Kiệt 33-Ngô Thì Nhậm	33	33	214.052.000	180.737.000	33.315.000	167.818.000	143.244.000	24.574.000	1 kiệt không làm
-	Kiệt 54-Hai Bà Trưng	158								
-	Kiệt 9-Lê Hồng Phong	110	110							
-	Kiệt 32 - Hai Bà Trưng	40	40							
-	Kiệt 102 - Nguyễn Trãi	379	379							
IV	**Năm 2019**	**882**	**849**	**296.698.000**	**240.778.000**	**55.920.000**	**277.543.000**	**223.720.000**	**53.823.000**	
1	**Phường 1**									
-	Kiệt 36-Trần Phú	70	70	20.452.000	18.097.000	2.355.000	19.766.000	17.411.000	2.355.000	
2	**Phường 2**									
	Đợt 1									
-	Kiệt 09-Huyền Trân Công Chúa	145	112	108.146.000	83.891.000	24.255.000	96.385.000	74.227.000	22.158.000	Giảm kiệt 09 - HTCC
-	Kiệt 06-Huyền Trân Công Chúa	212	212							
-	Kiệt 237 - Trần Hưng Đạo									
	Đợt 2 bổ sung									
-	Kiệt 06-Huyền Trân Công Chúa	49,7	49,7	124.662.000	105.325.000	19.337.000	119.626.000	100.289.000	19.337.000	
-	Kiệt 32-Nguyễn Thị Lý	335,5	335,5							
3	**Phường 3**									
	Kiệt 38-Hai Bà Trưng	70	70	43.438.000	33.465.000	9.973.000	41.766.000	31.793.000	9.973.000	
	Kiệt 60-Trần Hưng Đạo									
	Kiệt 63 - Trần Hưng Đạo									

V	**Năm 2020**	**3.312**	**3.029**	**1.082.505.000**	**883.704.000**	**198.801.000**	**973.730.000**	**789.522.000**	**184.208.000**	
1	**Phường 1**									
-	Kiệt 5/18- Phan T Chung	25	25	77.759.000	63.166.000	14.593.000				
-	Kiệt 33- Nguyễn Hoàng	78								
-	Kiệt 43-Hai Bà Trưng	105								
-	Kiệt 20-Trần Phú	100								
2	**Phường 2**									
-	Kiệt 01-Quang Trung	143	143	578.000.000	468.888.000	109.112.000	562.758.000	453.646.000	109.112.000	
-	Kiệt 49- Phan chu Trinh	43	43							
-	Kiệt 201-Trần Hưng Đạo	29	29							
-	Kiệt 179-Trần Hưng Đạo	25	25							
-	Kiệt 72 - Nguyễn Thị Lý	139	139							
-	Kiệt 33- Phan Đình Phùng	198	198							
-	Kiệt 19- Ngô Quyền	93	93							
	Kiệt 208 Hai Bà Trưng	306	306							
	Kiệt 03- Huyền Trân Công Chúa	289,5	289,5							
	Kiệt 32 Nguyễn Thị Lý Kéo dài	30	30							
	Kiệt 33 Trần Bình Trọng	145	145							
	Kiệt 24 Ng Thị Lý(nhánh rẽ)	22	22							
	Kiệt nhà ông Hạnh (NTL)	240	240							
3	**Phường An Đôn**									
	Kiệt 01-Khu phố 1	904	904	426.746.000	351.650.000	75.096.000	410.972.000	335.876.000	75.096.000	
	Kiệt 01-Khu phố 3 và 4	397	397							
	Tổng cộng	**8.280**	**7.118**	**2.593.200.000**	**2.150.389.000**	**442.811.000**	**2.190.226.000**	**1.829.204.459**	**361.021.541**	